

KHẢO SÁT TẦN SUẤT HÚT THUỐC LÁ VÀ KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ PHÒNG CHỐNG HÚT THUỐC LÁ Ở NAM GIỚI THÀNH PHỐ CẦN THƠ, NĂM 2011

PHẠM THỊ TÂM, LÊ MINH HỮU và CS

TÓM TẮT

Với mục tiêu xác định tỷ lệ hút thuốc lá và kiến thức - thái độ phòng chống hút thuốc lá ở nam giới, chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu này tại Thành phố Cần Thơ. Đây là thiết kế nghiên cứu cắt ngang có phân tích trên 14173 nam giới từ 15 tuổi trở lên tại 4 quận/huyện Ninh Kiều, Bình Thủy, Phong Điền thành phố Cần Thơ năm 2011

Kết quả: Tỷ lệ hút thuốc của nam giới là 51,4%. Tuổi bắt đầu hút thuốc là 19,8 tuổi với số điếu thuốc hút trung bình một ngày là 11,7 điếu. Tỷ lệ hút thuốc lá nơi công cộng chiếm tỷ lệ 31,1%. Hiểu biết về tác hại của hút thuốc của người dân 92,7%. Tỷ lệ người dân ủng hộ chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng 93,8%. Thông qua kết quả nghiên cứu, một số kiến nghị cũng đã đề xuất nhằm nâng cao sức khoẻ người dân.

Từ khóa: hút thuốc lá, kiến thức, thái độ.

SUMMARY

This study was carried out in Can Tho City with the objective to determine prevalence of smoking among men and knowledge - attitudes towards tobacco smoking. This is a cross - sectional study based on 14173 Ninh Kieu, Binh Thuy, Phong Dien, Cai Rang District, Can Tho City in 2011.

The results of the study showed that: The prevalence of smoking men age 15 and older in Can Tho City in 2011 was 51.2%. The mean age of initiation of daily smoking was 19.8. The mean number

of cigarettes smoked per day among daily cigarette smokers was 11.7. The prevalence of smoking in public places was 31.1%. 95.7% believed that smoking caused serious diseases. 93.8% supported smoking policy banned in public places.

Keywords: smoking, knowledge, attitudes.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Từ lâu thuốc lá đã được chứng minh là tác nhân của nhiều bệnh, đặc biệt là ung thư và tim mạch. Các nhà khoa học trên thế giới đã tìm ra trên 4000 hoá chất độc hại trong khói thuốc lá. Ước tính hiện trên thế giới có khoảng 1.1 tỷ người thường xuyên hút thuốc và chỉ trong năm 2000 trên thế giới có gần 5 triệu người chết vì thuốc lá, trong đó có đến 75% là nam giới [6].

Theo Tổ chức Y tế Thế giới hàng năm có xấp xỉ 3 triệu người trên hành tinh chúng ta đã bị chết vì bệnh ung thư, tim mạch do thuốc lá gây ra. WHO còn dự báo với một mức độ tiêu thụ thuốc lá như hiện nay thì trong vòng 10 năm nữa con số người bị bệnh sẽ tăng lên đến 10 triệu người/năm, trong đó 70% là ở các nước đang phát triển. Chỉ riêng châu Âu, khoảng 1/4 số người chết vì ung thư và 15% trong tổng số người tử vong là do hút thuốc [6][7].

Việt Nam là nước có tỷ lệ hút thuốc lá ở nam giới cao nhất thế giới, theo Điều tra Y tế Quốc gia 2001-2002, tỷ lệ nam giới từ 15 tuổi trở lên thuốc lá là 56.1%,

và cuộc điều tra năm 2010 thì tỷ lệ này 47.4% [2][5]. Mặc dầu những năm gần đây ở nước ta đã triển khai các chiến dịch tuyên truyền, vận động không hút thuốc lá một cách rộng rãi, nhưng do nhiều lí do khác nhau mà tỷ lệ người hút thuốc lá vẫn còn cao và ngành công nghiệp thuốc lá vẫn phát triển. Theo ước tính chung khoảng 7.5 triệu người Việt Nam (10% dân số hiện nay) sẽ chết sớm do các căn bệnh liên quan đến thuốc lá, trong đó có 3.5 triệu người chết ở tuổi trung niên [6]. Quyết định 1315 của thủ tướng chính phủ trong đó đã đề cập đến việc cấm hút lá nơi công cộng có hiệu lực từ tháng 1 năm 2010, tuy nhiên hiện nay người dân đã biết và chấp hành luật như thế nào vẫn chưa có nghiên cứu đề cập đến vấn đề này.

Thành phố Cần Thơ là một trong các thành phố lớn của cả nước nhưng hiện nay chưa có nghiên cứu với qui mô lớn trong cộng đồng nhằm tìm hiểu về tần suất, hiểu biết của người dân về tác hại của thuốc lá cũng như việc ủng hộ chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng, chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu này với các mục tiêu: Xác định tỷ lệ hút thuốc lá của nam giới tuổi từ 15 trở lên tại Thành phố Cần Thơ; Xác định tỷ lệ kiến thức - thái độ phòng chống hút thuốc của nam giới

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU:

1. Đối tượng nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu là 14173 nam giới tuổi từ 15 trở lên tại 22 phường xã của 4 quận/huyện Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng và Phong Điền của Thành phố Cần Thơ.

2. Phương pháp nghiên cứu.

Sử dụng phương pháp điều tra cắt ngang. Việc thu thập số liệu được dựa trên việc sử dụng bộ câu hỏi phỏng vấn. Các thông tin được vào máy và phân tích bằng chương trình phần mềm SPSS phiên bản 18.0. Dùng phép kiểm định chi bình phương để so sánh sự khác biệt giữa các tỉ lệ.

KẾT QUẢ

1. Thông tin chung

Trong số nam giới tuổi được điều tra, có 1796 người ở quận Ninh Kiều, 3210 người ở Quận Bình Thủy, 5065 người ở Quận Cái Răng và 4102 người ở huyện Phong Điền. Tuổi trung bình là 40.8 ± 16.2. Độ tuổi gặp nhiều nhất là 15-24 (23,0%) và 35-44 (20%). Số người có trình độ trung học cơ sở chiếm tỷ lệ (30,8%), tiếp theo là tiểu học (27,6%) và trung học phổ thông (20,2%). Nghề nghiệp chủ yếu là nông dân (25,5%), lao động tự do (17,9%)

2. Tỷ lệ hút thuốc lá và bỏ thuốc lá

Bảng 1. Thông tin chung về tình hình sử dụng thuốc lá

| Thông tin | Tần số | Tỷ lệ % |
|--------------------|--------|---------|
| Đang hút thuốc lá | 7292 | 51.4 |
| Không hút thuốc lá | 5005 | 35.3 |
| Đã bỏ hút thuốc lá | 1876 | 13.2 |
| Tổng | 14173 | 100.0 |

Khi được hỏi về đã từng bao giờ hút thuốc, có 64.6% người trả lời là đã từng hút ở mức độ khác nhau và trong số đó có nhiều người hiện nay đã bỏ và một số khác vẫn còn hút. Nam giới hiện tại đang hút chiếm tỷ lệ 51.4%. Có 13.2% số người nghiên cứu bỏ thuốc.

Bảng 2. Tỷ lệ hút thuốc lá theo địa dư

| Quận | Hút thuốc | | Không hút | | Cai thuốc | | P |
|-----------|-----------|------|-----------|------|-----------|------|--------|
| | n | % | n | % | n | % | |
| Ninh Kiều | 823 | 45.8 | 671 | 37.4 | 302 | 16.8 | <0.001 |

| | | | | | | |
|------------|------|------|------|------|------|------|
| Cái Răng | 2576 | 50.9 | 1768 | 34.9 | 721 | 14.2 |
| Bình Thủy | 1658 | 51.7 | 1151 | 35.9 | 401 | 12.5 |
| Phong Điền | 2235 | 54.5 | 1415 | 34.5 | 452 | 11.0 |
| Tổng | 7292 | 51.4 | 5005 | 35.3 | 1876 | 13.2 |

Tỷ lệ hút thuốc của quận Ninh Kiều là thấp nhất (45.8%) và cao nhất là tỷ lệ hút thuốc lá của huyện Phong Điền (54.5%). Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($p < 0.001$)

Bảng 3. Tỷ lệ hút thuốc lá theo nhóm tuổi

| Nhóm tuổi | Hút thuốc | | Không hút | | Cai thuốc | | P |
|-----------|-----------|------|-----------|------|-----------|------|--------|
| | n | % | n | % | n | % | |
| 15-24 | 667 | 26.9 | 1743 | 70.2 | 72 | 2.9 | <0.001 |
| 25-34 | 1580 | 48.6 | 1423 | 43.7 | 250 | 7.7 | |
| 35-44 | 1670 | 58.9 | 811 | 28.6 | 355 | 12.5 | |
| 45-54 | 1742 | 65.0 | 470 | 17.5 | 469 | 17.5 | |
| 55-64 | 1084 | 60.9 | 316 | 17.8 | 379 | 21.3 | |
| 65+ | 549 | 48.1 | 242 | 21.2 | 351 | 30.7 | |
| Tổng | 7292 | 51.4 | 5005 | 35.3 | 1876 | 13.2 | |

Nhóm tuổi có số người hút thuốc cao nhất là 35-44, chiếm 65.3%, tiếp theo là nhóm là nhóm tuổi 55-64, chiếm 60.9%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0.001$

Bảng 4. Tỷ lệ hút thuốc lá theo trình độ học vấn

| Trình độ học vấn | Hút thuốc | | Không hút | | Cai thuốc | | P |
|---------------------------|-----------|------|-----------|------|-----------|------|--------|
| | n | % | n | % | n | % | |
| Không biết chữ | 244 | 65.8 | 76 | 20.5 | 51 | 13.7 | <0.001 |
| Biết đọc, biết viết | 854 | 62.9 | 289 | 21.3 | 215 | 15.8 | |
| Tiểu học | 2383 | 61.0 | 987 | 25.3 | 537 | 13.7 | |
| Phổ thông cơ sở | 2320 | 53.2 | 1527 | 35.0 | 514 | 11.8 | |
| Phổ thông trung học | 1135 | 39.6 | 1328 | 46.4 | 400 | 14.0 | |
| Trung học, học nghề | 97 | 30.3 | 190 | 59.4 | 33 | 10.3 | |
| Cao đẳng, ĐH, sau đại học | 259 | 26.1 | 608 | 61.2 | 126 | 12.7 | |
| Tổng | 7292 | 51.4 | 5005 | 35.3 | 1876 | 13.2 | |

Trình độ học vấn càng thấp thì tỷ lệ hút thuốc lá càng cao. Trong nhóm người hút thuốc số người không biết chữ và học tiểu học thì tỷ lệ hút thuốc lá lần lượt là 65.8% và 62.9% trong khi nhóm có trình độ trung cấp và đại học thì tỷ lệ hút thuốc trong nhóm này dưới 30%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê.

Bảng 5. Tỷ lệ hút thuốc lá theo nghề nghiệp

| Nghề nghiệp | Hút thuốc | | Không hút | | Cai thuốc | | P |
|---------------------|-----------|------|-----------|------|-----------|------|--------|
| | n | % | n | % | n | % | |
| Nông dân | 2219 | 61.5 | 878 | 24.3 | 514 | 14.2 | <0.001 |
| Cán bộ công chức | 325 | 35.5 | 444 | 48.5 | 146 | 16.0 | |
| Công nhân | 1034 | 54.1 | 726 | 38.0 | 150 | 7.9 | |
| Bộ đội/Công an | 75 | 32.5 | 122 | 52.8 | 34 | 14.7 | |
| Học sinh/Sinh viên | 69 | 6.3 | 994 | 91.4 | 25 | 2.3 | |
| Lao động tự do | 1485 | 58.6 | 757 | 29.9 | 293 | 11.6 | |
| Thất nghiệp/Nội trợ | 141 | 49.0 | 102 | 35.4 | 45 | 15.6 | |
| Hưu trí, già yếu | 525 | 47.3 | 232 | 20.9 | 354 | 31.9 | |
| Khác | 1419 | 57.1 | 750 | 30.2 | 315 | 12.7 | |
| Tổng | 7292 | 51.4 | 5005 | 35.3 | 1876 | 13.2 | |

Nhóm nghề nghiệp là nông dân, lao động tự do là 2 nghề có tỷ lệ hút thuốc cao nhất so với các nhóm còn lại. Học sinh sinh viên có tỷ lệ hút thuốc thấp nhất ($p < 0.001$).

Bảng 6. Tuổi bắt đầu hút thuốc, số điếu và nơi thường hút thuốc lá

| | Tần số | Tỷ lệ % |
|-------------------------|--------|---------|
| Tuổi bắt đầu hút thuốc | | |
| <15 tuổi | 340 | 4.7 |
| 15 — 19 tuổi | 3474 | 47.6 |
| 20 — 24 tuổi | 2478 | 34.0 |
| 25 — 29 tuổi | 675 | 9.3 |
| >=30 tuổi | 325 | 4.5 |
| Số điếu thuốc hàng ngày | | |
| 1 — 5 điếu | 1681 | 23.1 |
| 6 — 10 điếu | 2788 | 38.2 |
| 11 — 15 điếu | 831 | 11.4 |
| 16 — 20 điếu | 1736 | 23.8 |
| >20 điếu | 256 | 3.5 |
| Nơi hay hút thuốc | | |
| Trong nhà | 5672 | 77.8 |
| Nơi làm việc | 2737 | 37.5 |
| Nơi công cộng | 2265 | 31.1 |
| Nơi khác | 1444 | 19.8 |

Tuổi trung bình 19.8±4.6 tuổi. Tuổi bắt đầu hút thuốc ở nhóm tuổi 15-19 chiếm tỷ lệ cao nhất (47.6%). Có 38.2% số người hút thuốc trả lời họ hút trung bình từ 6-10 điếu thuốc một ngày, chiếm đa số. Tiếp theo là nhóm hút trung bình từ 16-20 điếu/ngày (23.8%). Trung bình một người hút 11,7 điếu/ngày. Đa số những người hút thuốc đều trả lời trong nhà là nơi họ hay hút thuốc, thông thường là sau bữa ăn, hay ngay khi ngủ dậy (77.8%). Có 37.5% và 31.1% vẫn thường xuyên hút thuốc ở nơi công cộng và nơi làm việc.

Bảng 7: Tỷ lệ thử bỏ thuốc trong 12 tháng qua của các đối tượng đang hút thuốc

| | Tần số | Tỷ lệ % |
|--------------------------------|--------|---------|
| Đã bỏ thuốc trong 12 tháng qua | | |
| Chưa thử bỏ | 5190 | 71.2 |
| Bỏ được 1 tuần | 879 | 12.1 |
| 1 — 4 tuần | 541 | 7.4 |
| 1 — 6 tháng | 405 | 5.6 |
| Trên 6 tháng | 277 | 3.8 |
| Lý do hút lại | | |
| Do bạn bè mời | 806 | 38.3 |
| Do môi trường làm việc | 310 | 14.7 |
| Buồn chán | 704 | 33.5 |
| Do nhai miệng, thèm thuốc | 864 | 41.1 |
| Khác | 132 | 6.3 |
| Có dự định bỏ thuốc lá | | |
| Có | 3279 | 45.0 |
| Không | 3001 | 41.2 |
| Không biết | 1012 | 13.9 |

Có 28.8% các trường hợp hút thuốc đã bỏ thuốc trong 12 tháng qua và thành chỉ có nhiều trường hợp bỏ thuốc 1- 6 tháng và trên 6 tháng, nhưng các trường hợp này vẫn hút lại do nhiều nguyên nhân trong đó hút lại do nhai miệng, thèm thuốc họ phải hút lại (41.1%) và do bạn bè mời (38.3%). Có 40,3% trả lời muốn tiếp tục bỏ thuốc lá

Trong các trường hợp bỏ thuốc thành công, 45% là do người thân trong gia đình khuyên bỏ. Nhiều trường hợp phải bỏ thuốc lá nhiều lần mới thành công. Trong nghiên cứu này có 1.7±1.4 lần mới thành công, thậm chí có trường hợp bỏ thuốc 15 lần mới thành công.

3. Kiến thức về tác hại của thuốc lá và ủng hộ chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng

3.1. Kiến thức về tác hại của thuốc lá

Ngày nay nhờ các phương tiện thông tin đại chúng, sự phát triển về kinh tế nên nhận thức của người dân về các vấn đề xã hội nói chung và bảo vệ sức khỏe nói riêng được cải thiện rất nhiều. Hiểu biết về tác hại của thuốc lá trong cộng đồng là rất cao. Trong nghiên cứu này có 92.7% số người thừa nhận là hút thuốc lá có hại tới sức khỏe, 87.8% các trường hợp nghiên cứu cho rằng khói thuốc cũng ảnh hưởng đến sức khoẻ người xung quanh (bảng 8)

Bảng 8: Kiến thức về tác hại của thuốc lá đối với sức khoẻ

| Nội dung | Tần số | Tỷ lệ % |
|---|--------|---------|
| Hút thuốc có hại cho sức khoẻ | | |
| Có | 13136 | 92.7 |
| Không | 1037 | 7.3 |
| Hít phải khói thuốc có hại cho sức khoẻ | | |
| Có | 12444 | 87.8 |
| Không, không biết | 1729 | 12.2 |
| Kể ra tên các bệnh liên quan đến thuốc lá | | |
| Kể ra được 1 bệnh | 4664 | 35.5 |
| Kể ra được 2 bệnh | 4730 | 36.0 |
| Kể ra được 3 bệnh | 2570 | 19.6 |
| Kể ra được >3 bệnh | 1172 | 8.9 |

Khi được yêu cầu kể tên một số bệnh liên quan đến hút thuốc lá, có 28,5% số người kể tên được từ 3 loại bệnh có liên quan đến thuốc lá trở lên, có 36% kể tên được 2 loại bệnh và có 35.5% kể tên được 1 loại bệnh.

Bảng 9: Nguồn thông tin người dân tiếp cận về tác hại của thuốc lá

| | Số lượng | Tỷ lệ % |
|----------------------------------|----------|---------|
| Có tiếp cận được nguồn thông tin | | |
| Có | 13398 | 94.5 |
| Không | 775 | 5.5 |
| Nguồn thông tin | | |
| Ti vi | 11899 | 88.8 |
| Đài phát thanh | 8050 | 60.1 |
| Sách báo, tranh quảng cáo | 4632 | 34.6 |
| Cán bộ y tế | 1264 | 9.4 |
| Người thân gia đình, bạn bè | 1911 | 14.3 |
| Khác | 419 | 3.1 |

Trong nghiên cứu này có 94.5% các trường hợp nghiên cứu có tiếp cận thông tin về tác hại của thuốc lá đối với sức khoẻ. Nguồn thông tin tiếp nhận được chủ yếu từ tivi (88.8%), đài phát thanh địa phương (60.1%) và sách báo tranh ảnh (34.6%). Các nguồn khác chiếm tỷ lệ thấp

3.2. Thái độ của người dân chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng

Bảng 10: Thái độ đối với chính sách cấm hút thuốc nơi công cộng, cơ quan xí nghiệp

| ủng hộ chính sách | Số lượng | Tỷ lệ % |
|--|----------|---------|
| Cấm hút thuốc lá nơi công cộng | | |
| Có | 13292 | 93.8 |
| Không | 881 | 6.2 |
| Cấm hút thuốc lá nơi cơ quan xí nghiệp | | |
| Có | 13375 | 94.4 |
| Không | 798 | 5.6 |

Tỷ lệ người dân ủng hộ chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng và nơi làm việc chiếm tỷ lệ cao (93.8% và 94.4%)

Bảng 11. Hiểu biết tác hại của thuốc lá, ủng hộ chính sách cấm hút lá nơi công cộng trong các nhóm

| | Hút thuốc | | Không hút | | Cai thuốc | | p |
|--|-----------|------|-----------|------|-----------|------|--------|
| | n | % | n | % | n | % | |
| Hút thuốc có hại cho sức khỏe | | | | | | | |
| Có | 650 | 89.2 | 482 | 96.5 | 180 | 96.1 | <0.001 |
| Không | 786 | 10.8 | 177 | 3.5 | 74 | 3.9 | |
| Hút phải khói thuốc có hại cho sức khỏe | | | | | | | |
| Có | 603 | 82.8 | 470 | 94.0 | 169 | 90.6 | <0.001 |
| Không, không biết | 125 | 17.2 | 298 | 6.0 | 177 | 9.4 | |
| Ủng hộ chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng | | | | | | | |
| Có | 662 | 90.9 | 486 | 97.2 | 180 | 96.0 | <0.001 |
| Không | 667 | 9.1 | 139 | 2.8 | 75 | 4.0% | |
| Ủng hộ chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng | | | | | | | |
| Có | 669 | 91.7 | 487 | 97.4 | 180 | 96.4 | <0.001 |
| Không | 602 | 8.3 | 129 | 2.6 | 67 | 3.6 | |

Hiểu biết của người dân về tác hại hút thuốc lá, hít phải khói thuốc đối với sức khỏe trong nhóm có thuốc lá thấp hơn so hai hai nhóm còn lại ($p < 0.001$). Ngoài ra, những người hút thuốc lá cũng ủng hộ chính sách cấm hút lá nơi công cộng thấp 2 hơn nhóm còn lại ($p < 0.001$). Ủng hộ chính sách cấm hút lá nơi công cộng, nơi làm việc khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0.001$)

BÀN LUẬN

1. Tỷ lệ hút thuốc lá ở nam giới từ 15 tuổi trở lên tại Thành phố Cần Thơ.

Kết quả nghiên cứu cho thấy tỷ lệ hút thuốc ở các đối tượng nghiên cứu tại Thành phố Cần Thơ là 51.4% cao hơn cuộc điều tra quốc gia về hút thuốc lá tại Việt Nam năm 2010 47.4%. Tỷ lệ này cao hơn kết quả của quả nghiên cứu WHO những năm gần đây tại một số nước như Thái Lan có tỷ lệ hút thuốc lá là 45.6%, Ấn Độ là 47.9% [5]. Sở dĩ có sự khác biệt này có thể là do một số đối tượng nghiên cứu được chọn vào cuộc điều tra này là nông dân, lao động tự do chiếm tỷ lệ cao và tỷ lệ hút thuốc trong nhóm này cao hơn các nhóm còn lại. Bên cạnh đó, các quận nội ô, quận ngoại thành và huyện nông thôn có sự khác biệt về tỷ lệ hút thuốc lá. Cụ thể trong nghiên cứu này, tỷ lệ hút thuốc tại quận Ninh Kiều là 45.8 và cao nhất là tại huyện 54.5%. Nghiên cứu này cũng phù hợp với một số nghiên cứu khác, lý do có thể khác biệt nghề nghiệp, trình độ học vấn giữa các khu vực.

Độ tuổi bắt đầu hút thuốc lá tại Thành phố Cần Thơ bắt đầu hút thuốc cũng rất sớm, trung bình là 19.8 tuổi cũng có hơi cao hơn tuổi trung bình hút thuốc lá trong cuộc điều tra quốc gia năm 2010 (19.1 tuổi). Trong đó tới 52.3% bắt đầu hút thuốc trước tuổi 20 tỷ lệ này cao hơn so với kết quả Điều tra Y tế Quốc gia 2010 (56.0%) [5]. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng tuổi bắt đầu hút thuốc càng trẻ thì nguy cơ nghiện thuốc càng cao. ' Mỹ mỗi ngày có 4000 trẻ em bắt đầu hút thuốc và hơn 2000 em trở nên nghiện thuốc hàng ngày trước khi

các em đủ tuổi 18 [7]. Vì vậy trong công tác giáo dục truyền thông, nhóm đối tượng này cần phải được chú trọng nhiều hơn và cần có những hình thức tư vấn, truyền thông hoặc can thiệp thích hợp với độ tuổi của họ. Trung bình một người hút 11.7 điếu/ngày, kết quả này cũng cao hơn với kết quả Điều tra Y tế Quốc gia 2001-2002 (9.2 điếu/ngày) nhưng lại thấp hơn cuộc điều tra toàn quốc năm 2010 (13.5 điếu). Tỷ lệ hút 10 điếu/ngày của nam giới trong nghiên cứu này cũng thấp hơn so với cuộc điều tra toàn quốc năm 2010[5].

Đối tượng nghiên cứu có trình độ văn hoá càng thấp thì tỷ lệ hút thuốc lá càng cao, cụ thể trong nghiên cứu này, tỷ lệ hút thuốc lá ở người không biết chữ là 65.8%. Tỷ lệ này giảm dần trong những người có trình độ học vấn bậc trung học phổ thông, học nghề, cao đẳng và đại học. Kết quả này cũng tương tự như kết quả của một số nghiên cứu khác [5]. Dường như những người có trình độ học vấn cao hơn thì tiếp cận tốt hơn các nguồn thông tin về tác hại của hút thuốc, nhận thức tốt hơn và có tỷ lệ hút thuốc thấp hơn.

Tỷ lệ người muốn bỏ hút thuốc ở Thành phố Cần Thơ là 45%, trong số họ chỉ có 28.2% đã từng bỏ thuốc thuốc, tỷ lệ này còn khá cao. Lý do chính của việc không muốn bỏ thuốc là không thành công là do thói quen và xung quanh còn có nhiều người mời hút (lần lượt là 35.5% và 38.3%). Đây là bằng chứng nói lên môi trường xung quanh có tác động rất mạnh đến thói quen hút thuốc, vì vậy cần phải có những chiến dịch rộng khắp, huy động cộng đồng và có sự tham gia của nhiều tầng lớp xã hội trong giáo dục sức khỏe và truyền thông thì mới mang lại hiệu quả cao. Cần thiết phải có những hoạt động mang tính cụ thể như: Câu lạc bộ "Những người bỏ thuốc", phong trào "Gia đình không khói thuốc", "Trường học không thuốc lá" thực hiện nghiêm chỉnh chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng. Kinh nghiệm của những trường hợp bỏ thuốc thành công là do người nhà khuyên bỏ chiếm tỷ lệ cao (45.8%). Vì vậy đối với gia đình có người hút thuốc, chúng ta phải vận động người thân trong gia đình khuyên bảo để họ tự bỏ thuốc lá.

2. Kiến thức, thái độ về hút thuốc lá và nguồn thông tin.

Hiểu biết về những tác hại của hút thuốc lá đối với sức khỏe con người trong nghiên cứu này là 92.7%, vẫn còn thấp hơn so với một số nghiên cứu khác (điều tra toàn quốc năm 2010 là 95.7%). Nhóm hút thuốc lá hiểu biết về tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe thấp hơn 2 nhóm còn lại ($p < 0.001$). Nhưng nhìn chung, hiểu biết về tác hại của hút thuốc của cộng đồng dân cư là rất cao. Khi được yêu cầu kể tên một số bệnh có liên quan đến thuốc lá, có 35.5% kể được ít nhất một tên bệnh, các trường hợp còn lại kể ra được kể được từ 2 bệnh trở lên có liên quan đến thuốc lá. Điều này chứng tỏ tính chất nguy hiểm và gây nghiện của thuốc lá, mặc dù biết chắc chắn là có hại cho sức khỏe nhưng còn một tỷ lệ cao những người vẫn tiếp tục hút thuốc.

Người dân tiếp cận với nguồn thông tin về tác hại của hút thuốc tại địa phương chủ yếu là truyền hình và đài phát thanh (lần lượt là 88.8% và 60.1%), các tỷ lệ này cũng không cao hơn kết quả nghiên cứu của Lê

Ngọc Trọng và CS (trung bình 78%)[4]. Các nguồn khác báo chí, tờ rơi, áp phích, như gia đình (14.3%), cán bộ y tế được ghi nhận ở tỷ lệ thấp hơn. Như vậy các phương tiện truyền thông về tác hại của thuốc lá tại địa bàn nghiên cứu còn chưa đa dạng, chưa mang tính đặc trưng của địa phương.

Khi được hỏi về việc có đồng tình với các chính sách cấm hút lá nơi công cộng, nơi làm việc thì rất phần lớn người dân đều ủng hộ với chính sách này (trên 90%). Người có hút thuốc lá thì tỷ lệ ủng hộ chính sách cấm hút lá nơi công cộng thấp hơn hai nhóm còn lại ($p < 0.01$). Mặc dù ủng hộ chính sách hút thuốc lá, nhưng bộ phận lớn người dân vẫn thường hút thuốc lá nơi công cộng và nơi làm việc (31.1%; 37.5%). Rõ ràng người dân vẫn chưa tự giác chấp hành chính sách về cấm hút thuốc lá nơi công cộng. Do đó, nhà nước cần sớm có các chế tài xử lý đối với các trường hợp hút thuốc nơi công cộng để giảm bớt ảnh hưởng của khói thuốc đối với sức khỏe người dân Thành phố Cần Thơ cũng như của cả nước.

Tóm lại, thông qua nghiên cứu cho thấy rằng phần lớn người hút thuốc là những người bắt đầu hút thuốc lá ở tuổi vị thành niên và tuổi trẻ. Ngành y tế cần có chính sách kịp thời để ngăn chặn đại dịch hút thuốc lá nhằm giảm bớt gánh nặng bệnh tật cho thuốc lá và góp phần nâng cao sức khỏe của người dân.

KẾT LUẬN

Tỷ lệ hút thuốc của nam giới Thành phố Cần Thơ năm 2011 là 51.4%.

Tuổi bắt đầu hút thuốc là 19.8 tuổi với số điếu thuốc hút trung bình một ngày là 11.7 điếu.

Tỷ lệ hút thuốc lá nơi công cộng chiếm tỷ lệ 31.1% và 77.8% hút thuốc lá trong nhà.

Hiểu biết về tác hại của hút thuốc của người dân 92.7%. Tỷ lệ tiếp cận nguồn thông tin về tác hại của thuốc lá 94.5%.

Tỷ lệ người dân ủng hộ chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng và nơi làm việc chiếm tỷ lệ cao (93.8% và 94.4%).

KHUYẾN NGHỊ

Cần chú trọng hơn nữa đến giáo dục sức khỏe và truyền thông về tác hại của hút thuốc cho toàn dân, đặc biệt là nhóm tuổi trẻ dưới 20 tuổi.

Chấp hành nghiêm chỉnh chính sách cấm hút thuốc lá nơi công cộng.

Phát động phong trào phòng chống thuốc lá bằng các hình thức xây dựng "Gia đình không khói thuốc". "Người cha gương mẫu" nhằm hạn chế việc hút thuốc lá trong gia đình.

Có các hình thức cam kết của các hộ cá thể buôn bán nhỏ tại địa phương, không bán thuốc cho trẻ em, nhằm hạn chế việc tiếp cận dễ dàng với thuốc lá.

TÀI LIỆU THĂM KHẢO

1. Hoàng Mai Anh, Ngô Quý Châu, Lê Anh Tuấn (2004) "Các bệnh liên quan đến thuốc lá và cách phòng ngừa". Nhà Xuất Bản Y học Hà Nội.
2. Bộ Y tế - Tổng cục Thống kê (2003) "Báo cáo kết quả điều tra y tế quốc gia 2001-2002". Nhà xuất Bản Y học, tr. 755-762.
3. Bộ Y tế - Tổ chức Y tế Thế giới (2003) Tài liệu Hướng dẫn Tư vấn cai nghiện thuốc lá. Chương trình phòng chống tác hại thuốc lá Quốc gia, Hà Nội, tr. 8-71
4. Một số kết quả điều tra về tình hình hút thuốc lá ở Việt Nam và các bệnh có liên quan. 1999. tr. 1-24.
5. World Health Organization [2010] Global Adult Tobacco Survey (GATS) Viet Nam, Thailand, India
6. World Health Organization (1997) Tobacco or Heath. A global status report. Geneva.
7. World Health Organization (1993) The health of young people - A challenge and promise - Geneva, p. 39-41.